ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08 /2017/QĐ-UBND	*Lâm Đồng, ngày 27 tháng 02 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định về khung giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Thực hiện Nghị quyết số 124/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất năm 2015 áp dụng cho chu kỳ 5 năm (2015 - 2020) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 80/TTr-STNMT ngày 16 tháng 02 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi là Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng); cụ thể như sau:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

1. Bổ sung nội dung xác định vị trí 1 và vị trí 2 đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác, quy định tại Điểm 1 Mục I của Bảng giá đất nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

- Vị trí 1: được xác định cho những thửa đất (lô đất) có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, Đường tỉnh, **Đường đô thị** trong phạm vi 500 mét.

- Vị trí 2: được xác định cho những thửa đất (lô đất) có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, Đường tỉnh, **Đường đô thị** trong phạm vi trên 500 mét đến 1.000 mét; **hoặc có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Đường huyện, Đường xã trong phạm vi 500 mét.**

2. Điều chỉnh giá đất ở của một số con đường, đoạn đường trong danh mục Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) và Bảng giá đất ở tại đô thị (Mục III) ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

Số TT	Loại đất / Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá (1.000 đ/m^2)
II	**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**	
2	**XÃ TÂN HÀ**	
2.1	**Khu vực 1**	
2.1.1	**Đường TL 725**	
1	Từ giáp xã Tân Văn tới ngã ba Phúc Hưng	1.000
2	Từ ngã ba Phúc Hưng tới ngã ba đi thôn Phúc thọ 1	1.880
3	Từ ngã ba đi thôn Phúc Thọ 1 tới ngã ba đi xã Phúc Thọ	3.147
4	Từ ngã ba đi xã Phúc Thọ tới Phân Viện Y tế	4.478
5	Từ Phân viện Y tế tới ngã ba cây xăng ông Bạ (thửa 189, TBDD02)	6.497
6	Từ Ngã ba cây xăng ông Bạ (hết thửa số 189, TBĐ02) tới ngã ba đường lên chùa Hà Lâm	7.500

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

7	Từ Ngã ba lên chùa Hà Lâm tới đất ông Nguyễn Văn Tình (thửa số 89,TBĐ 04)	5.993
8	Từ đất ông Tình (hết thửa số 89,TBĐ 04) tới cổng trường C1 Tân Hà	4.478
9	Từ cổng trường C1 Tân Hà (hết thửa số 145 và 156,TBĐ 04) đến cổng trường C2 Tân Hà (thửa 115, 51 TBDD07)	3.376
10	Từ Cổng trường C2 Tân Hà (hết thửa số 115 và 51 TBĐ 07) đến ngã ba đi Đan Phượng (thửa 405 và thửa 548)	2.143
11	Từ ngã ba đi Đan Phượng (hết thửa 405 và thửa 548) đến giáp xã Liên Hà	840
2.2	**Khu vực 2**	
2.2.4	**Đường thôn Tân Trung**	
1	Đoạn từ TL 725 tới chùa Hà Lâm	1.106
5	Đường từ cổng Văn hóa thôn Thạch thất 1 đến chợ Tân Hà	1.106
13	**XÃ ĐẠ ĐỜN**	
13.1	**Khu vực 1**	
13.1.1	**Quốc lộ 27**	
1	Từ giáp Đinh Văn đến giáp lò gạch ông Vân (hết thửa 765và 661,TBĐ35)	2.221
2	Từ lò gạch ông Vân (thửa 1920 và 658 TBĐ35) đến hết đất Xí nghiệp cầu tre (hết thửa 290 và 111, TBĐ 35)	2.083
III	**ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**	
1	**THỊ TRẤN ĐINH VĂN**	
1.1	**Quốc lộ 27**	
1	- Từ Bình Thạnh đến Cống xoan (từ thửa 60 TBĐ 80 đến hết thửa 562 TBĐ 15 và hết thửa 6 TBĐ 79)	1.125
2	- Từ Cống Xoan đến ngã ba Gia Thạnh (thửa 91, 93 TBĐ 73)	2.083
3	- Từ ngã ba Gia Thạnh (hết thửa 91, TBĐ 73) đến ngã ba Đoàn Kết (thửa số 201,289 tờ bản đồ 69)	4.167

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

4	Từ ngã ba Đoàn Kết (hết thửa 201, TBĐ 69) đến đường vào tổ 4 Văn Tâm (thửa số 367, TBĐ 63)	6.435
5	- Từ đường vào tổ 4 Văn Tâm (hết thửa 367, TBĐ 69) đến cầu Cổ Gia (thửa 587, TBĐ 63)	7.722
6	- Từ cầu Cổ Gia (thửa 587, TBĐ 63) đến ngã ba Bưu Điện Huyện (thửa 331, TBĐ 62)	10.725
7	- Từ ngã ba Bưu Điện huyện (hết thửa 331, TBĐ 62) đến ngã tư Quyền Lưỡng hết đất ông Thăng (tờ 61, thửa 366)	12.870
8	- Từ nhà ông Quyền Lưỡng (hết thửa 903, TBĐ 61) đến hết đất bà K' Duyên (tờ 61, thửa 199)	15.000
9	- Từ hết đất bà K' Duyên (tờ 61, thửa 199) đến cống Kiểm Lâm	12.870
10	- Từ cống Kiểm Lâm đến hết đất Hà Khoa (thửa 103, tờ BĐ 59)	12.012
11	- Từ hết đất Hà Khoa (thửa số 103,TBĐ 59) đến ngã ba (đại lý vật liệu Lâm Hà thửa số 222,TBĐ 56)	7.722
12	- Từ ngã ba (đại lý vật liệu Lâm Hà, thửa 222, TBĐ 56) đến giáp xã Đạ Đờn.	3.333
2	**THỊ TRẤN NAM BAN**	
2.1	**Đất dọc đường tỉnh lộ 725 - Đường Điện Biên Phủ**	
1	Từ giáp xã Mê Linh đến ngã 3 đi trường tiểu học Từ Liêm	1.050
2	Từ ngã 3 đường vào Trường tiểu học Từ Liêm đến ngã ba đi THCS Từ Liêm	2.500
3	Từ ngã ba đi trường THCS Từ Liêm đến giáp vườn chè (hết thửa 282 và 331 TBĐ25)	5.502
4	Từ vườn chè (thửa 60 TBĐ25) đến ngã ba Đông Anh II (ông Viên)	8.247
5	Từ ngã ba đường Đông Anh II (ông Viên) đến Trạm biến thế điện Thị trấn Nam Ban	11.000
6	Từ hết Trạm biến thế điện Thị trấn Nam Ban đến cầu Xay xát (hết thửa 282 và 266 TBĐ 36)	8.247
7	Từ cầu Xay xát (thửa 281 và 267 TBĐ 36) đến ngã 4 đường đi vào khu Chi Lăng - Thành Công(ngã tư nông trường 4 cũ)	5.502

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

8	Từ ngã 4 (nông trường 4 cũ) đến trụ sở UBND TT Nam Ban hiện nay (ngã ba cổng TDP văn hóa Ba Đình)	6.417
9	Từ ngã ba cổng văn hóa Ba Đình đến Gia Lâm (cầu Thác Voi)	8.000
2.3	**Đường Liên Thôn khu TDP**	
5	Đường từ ngã ba (cổng nhà văn hóa TDP Đông Anh I xuống sinh 78 Đông Anh 1) đến trường tiểu học Nam Ban II	2.287
22	Đường từ ngã ba giáp quán sửa xe ông Cấn Đình Dũng đến Trường TH Nam Ban II	1.992

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2017; là một phần không tách rời của Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Giá đất ở điều chỉnh tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này thay thế giá đất của các con đường, đoạn đường có cùng tên gọi, cùng địa bàn trong Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) và tại đô thị (Mục III) trên địa bàn huyện Lâm Hà ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Hà; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH và Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm tin học;
- Lưu: VT, TC.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Việt

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn